

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2021/HS-PT
Ngày 13-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Trang;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Phước T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh N.

Bị cáo có kháng cáo

Nguyễn Phước T (Tý T), sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp L, xã T, huyện C, Thành phố M; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước T và bà Phạm Thị C; vợ, con: không có;

- Tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 29/2014/HSST, ngày 25-11-2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh L áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Phước T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định số 80/QĐ-TA, ngày 29-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố M áp dụng biện pháp xử lý hành chính

đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 (mười tám) tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nhân thân: năm 2010, bị Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố M đưa vào trường giáo dưỡng số 4 tại Đồng Nai, thời hạn 01 năm về hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định số 8010/QĐ-UBND, ngày 27-9-2010); chấp hành xong ngày 13-10-2011; năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Củ C, Thành phố M xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 23/2012/HSST, ngày 10-11-2012); chấp hành xong hình phạt ngày 25-10-2013, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13-4-2021, tạm giam ngày 22-4-2021 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08-4-2021, Nguyễn Phước T điều khiển xe mô tô biển số 52S4 - 8351 đến khu vực thị xã B, tỉnh N tìm xe mô tô để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến nhà trọ “Đăng K” thuộc khu phố S, phường T, thị xã B, tỉnh N, Triệu phát hiện xe mô tô loại Ecxiter 150, màu xanh, biển số 83P3-735.00 của anh Nguyễn Đăng K đang dựng trước phòng trọ, không có người trông giữ nên lén lút đi vào đẩy xe ra để cạnh cửa ra vào khu nhà trọ. Sau đó, T đến nhà của Ngô Trung H rủ H đi lấy xe vừa trộm được đem bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 51U5 - 2110 chở T quay lại nhà trọ “Đăng K”, H đứng bên ngoài cảnh giới, T đi vào lấy xe mô tô đẩy ra ngoài. Trên đường về nhà H, T dừng lại ở 01 chòi ven đường cắt dây công tắt điện để nổ máy xe mô tô vừa trộm được, còn H chạy về nhà H điện thoại tìm người bán xe. Tại đây, T mở cốp xe ra lấy 01 cái ví da bên trong có 6.000.000 đồng và các giấy tờ khác. Sau đó, T giao xe cho H đem bán cho người tên “H” (không rõ địa chỉ) với giá 9.000.000 đồng, chia mỗi người 4.500.000 đồng. Riêng anh K, sau khi phát hiện xe bị mất đã đến Công an phường T trình báo sự việc. Đến ngày 13-4-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã B, tỉnh N tiến hành bắt khẩn cấp T, H và cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; đồng thời T và H còn khai nhận đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thị xã B, tỉnh N, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 01 giờ ngày 11-10-2021, T trộm 01 xe mô tô loại Dream, biển số 61H8-0652 của ông Dương Bạch H để trước phòng trọ tại khu nhà trọ “Bùi Thị S” thuộc khu phố S, phường T, thị xã B, tỉnh N. Sau đó, T đem xe bán cho H với giá 500.000 đồng.

Vụ thứ hai: vào khoảng 23 giờ ngày 17-10-2021, T cùng H đi trộm cắp 01 xe mô tô loại Winner, biển số 70C1-294.36 của anh Trần Quốc V để trước phòng trọ của nhà trọ “Kim T” thuộc khu phố S, phường A, thị xã B, tỉnh N. Sau khi trộm xong H đem xe trộm được bán cho Nguyễn Ngọc T với giá 11.000.000 đồng, chia mỗi người 5.500.000 đồng.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 12, 14, 17/KL-HĐĐGTS ngày 09-4-2021, 22-4-2021 và 29-4-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, tỉnh N kết luận: xe mô tô biển số 83P3-735.00 trị giá 39.000.000 đồng; xe mô tô biển số 70C1-294.36 trị giá 38.700.000 đồng; xe mô tô biển số 61H8-0652 trị giá 1.600.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST, ngày 21-9-2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh N quyết định: căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tính từ ngày 13-4-2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử đối với bị cáo Ngô Trung H về tội “Trộm cắp tài sản”, xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-9-2021, bị cáo Nguyễn Phước T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Phước T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T (Tý T) 04 (bốn) năm tù, là phù hợp, không nặng. Bị cáo kháng cáo, không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Phước T không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất ăn năn hối cải về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Phước T bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh N xét xử vào ngày 21-9-2021; ngày 25-9-2021, bị cáo T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Từ ngày 11-10-2020 đến ngày 08-4-2021, tại khu vực khu phố S, phường T, thị xã B, tỉnh N, Nguyễn Phước T và Ngô Trung H đã cùng nhau bàn bạc và thực hiện trộm cắp 02 xe mô tô của các anh Trần Quốc V, Nguyễn Đăng K với tổng tài sản thiệt hại trị giá 77.700.000 đồng. Riêng T đã trộm cắp thêm 01 xe mô tô biển số 61H8-0652 có giá trị 1.600.000 đồng của anh Dương Bạch H và số tiền 6.000.000 đồng trong cốp xe của anh Nguyễn Đăng K; tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt của 03 bị hại là 85.300.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Phước T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực, trí lực, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là phạm tội, nhưng với bản tính lười biếng, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó cần phải có hình phạt tương xứng cho hành vi phạm tội của bị cáo và đồng thời nhằm để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong vụ án này, bị cáo T giữ vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê đồng phạm thực hiện tội phạm, đồng thời cũng là người thực hiện cả 03 lần trộm cắp của 03 bị hại, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T mức án cao hơn mức án của bị cáo đồng phạm là đúng pháp luật.

[4.2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú các lần phạm tội trước đó; bị cáo phạm tội hai lần trở lên, tái phạm theo quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án 04 năm tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng.

[5] Bị cáo T kháng cáo, nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước T; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh N.

1. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T (Tý T) 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13-4-2021.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Sở tư pháp tỉnh TN
- Phòng KTNV TAND tỉnh TN
- Phòng PV 06 CA tỉnh TN;
- TAND thị xã B, tỉnh TN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- CC THADS thị xã B, TN;
- VKSND thị xã B, tỉnh TN;
- Công an thị xã B, tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ;

Võ Văn Ngẫu

